

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/DS-ST

Ngày: 14/05/2021

V/v “Tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nhữ

2. Bà Phạm Thị Mai

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 6 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1962 và ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968 (vắng mặt); Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày như sau: Nguyên vào năm 2016 tôi có đứng ra tổ chức chơi nhiều dây hụi góp vốn xoay vòng trong đó có vợ chồng bà X và ông H tham gia chơi nhiều phần và đến nay hụi đã mãng vợ chồng bà X và ông H hốt xong không đóng hụi chết lại cho tôi với số tiền 211.275.000đ và có làm biên nhận nợ hụi cho tôi ngày 12/6/2017. Tôi đã đến nhà yêu cầu bà X và ông H phải thực hiện nghĩa vụ đóng hụi cho tôi. Nhưng bà X và ông H không hoàn trả số tiền trên cho tôi. Do đó nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An giải quyết buộc bà X và ông H phải hoàn trả lại cho tôi số tiền hụi còn nợ là 211.275.000đ , ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H liên đới trả số tiền hụi là 211.275.000đ và yêu cầu không yêu cầu tính lãi

Bị đơn Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt theo thủ tục tố tụng thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sau đó vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tòa án đã triệu tập các bị đơn để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Nhưng Bà X và ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, gồm có: “ biên nhận nợ hụi, có tên của bà Lê Thị Kim X ký; Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Hồ Thị L cung cấp giấy biên nhận nợ tiền hụi có tên của bà Lê Thị Kim X. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định số tiền trong quá trình chơi hụi bà X và ông H không đóng hụi theo thỏa thuận khi tham gia chơi hụi cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận, do đó nguyên đơn khởi kiện nên xác định đây là vụ việc tranh chấp về dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng chơi hụi, Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, bị đơn có nơi cư trú tại: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An có xác nhận của Công an xã T. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn là bà Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nội dung của vụ án:

[5.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 211.275.000 đồng của nguyên đơn bà Hồ Thị L: Căn cứ vào giấy biên nhận nợ hui giữa hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có đủ căn cứ xác định chữ ký trong biên nhận nợ của bị đơn là bà Lê Thị Kim X là chứng cứ chứng minh bà X và ông H có còn nợ bà L số tiền hui 211.275.000 đồng. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến và không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, ...bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giấy chơi. Do quá thời hạn trả tiền theo thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thời hạn thanh toán.

[6.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 184, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 471 và 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 357, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị L số tiền nợ gốc 211.275.000đ (hai trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời

điêm thanh toán. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Kim X và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ liên đới chịu 10.534.000đ (mười triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.282.000 đồng (năm triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000163 ngày 12/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà X và ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- CCTHADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi

